

ĐỀ THI TỐT NGHIỆP BÁC SĨ ĐA KHOA NĂM 2017

HỆ : CHÍNH QUY 6 NĂM

MÔN THI: **TỔNG HỢP HỆ NGOẠI**, NGÀY THI : **26.07.2017**

THỜI GIAN THI: **100 PHÚT** (120 Câu), MÃ ĐỀ : **007/**

1. Yếu tố lợi cho sự hình thành sỏi túi mật là. **NGOẠI TRỪ:**

- A. Người trên 40 tuổi, béo phì
- ☒ B. Bệnh nhân bị cắt hồng tràng
- C. Phụ nữ sinh đẻ nhiều
- D. Dùng nhiều thuốc tránh thai
- E. Bệnh nhân bị bệnh Crohn

2. Để chẩn đoán xác định chảy máu tiêu hoá trên, cần phải dựa vào cận lâm sàng nào?

- A. Công thức máu
- B. Chụp dạ dày cận quang
- ☒ C. Nội soi dạ dày
- D. Chụp động mạch thân tạng
- E. Xét nghiệm tìm máu ẩn trong phân

3. Triệu chứng nào **KHÔNG** gặp trong viêm tụy cấp:

- A. Khối u thượng vị
- B. Đề kháng thành bụng
- C. Trướng bụng
- ☒ D. Âm ruột tăng
- E. Dấu Cullen

4. Triệu chứng lâm sàng trong viêm túi mật cấp. **NGOẠI TRỪ:**

- A. Đau dưới sườn phải
- B. Sốt nhẹ sau đó tăng dần
- C. Túi mật to, ấn đau nhiều
- ☒ D. Ói và kèm giảm đau sau ói
- E. Hiếm khi có vàng da

5. Cận lâm sàng nào **KHÔNG** có giá trị trong chẩn đoán giai đoạn ung thư của ung thư đại tràng là:

- ☒ A. Nội soi đại tràng
- B. Siêu âm bụng
- C. Chụp cắt lớp điện toán bụng chậu cận quang
- D. X-quang ngực thẳng
- E. Xạ hình xương

6. Bệnh nhân nam 55 tuổi, vài tháng nay bị chán ăn, ăn không ngon, người mệt mỏi. Khám lâm sàng: không phát hiện bất thường. Cần làm cận lâm sàng gì để chẩn đoán xác định?

- A. Xét nghiệm: Protein, công thức máu, CEA, CA19.9 ...
- B. Siêu âm bụng
- C. Chụp X-quang ngực
- ☒ D. Nội soi dạ dày
- E. Nội soi đại tràng

7. Nguyên nhân gây ung thư gan nguyên phát là. **NGOẠI TRỪ:**

- A. Dioxin
- B. Viêm gan siêu vi C
- C. Xơ gan
- D. Viêm gan siêu vi B
- ☒ E. Sỏi mật

8. Nguyên nhân gây ra viêm tụy cấp là? **NGOẠI TRỪ:**

- A. Rượu
- ☒ B. Chụp đường mật qua da

- C. Cường giáp
D. Sỏi mật
E. Sau mổ cắt dạ dày
9. Bệnh nhân nam 25 tuổi, đau bụng đột ngột và đau dữ dội ở vùng thượng vị một ngày. Tiền sử: đau thượng vị nhiều năm, điều trị bằng thuốc kháng tiết. Bụng co cứng, ấn đau nhiều ở thượng vị, gõ vang. Siêu âm: có ít dịch dưới gan. X-quang bụng đứng: bình thường. Amylase/máu: 40UI/L, amylase/nước tiểu: 55UI/L. Cần làm thêm cận lâm sàng gì để chẩn đoán xác định?
- ☒ A. Chụp cắt lớp vi tính bụng chậu cản quang ✓
B. Nội soi dạ dày
C. X-quang bụng tư thế nằm nghiêng trái
D. Nội soi ổ bụng
E. Xét nghiệm men tim
10. Các yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng đến viêm phúc mạc. **CHỌN CÂU SAI:**
- A. Số lượng và độc lực vi khuẩn
☒ B. Tiền sử phẫu thuật cũ vùng bụng ✓
C. Hóa chất trong xoang phúc mạc
D. Dịch vật trong xoang phúc mạc
E. Một số chất của cơ thể tiết ra
11. Triệu chứng sớm của hẹp môn vị là. **NGOẠI TRỪ:**
- A. Cảm giác đầy bụng ậm ạch
B. Nội soi: ống soi không qua được chỗ hẹp ở môn vị ✓
☒ C. Nôn ra thức ăn của bữa ăn trước đó 6 giờ ✓
D. Ăn uống khó tiêu
E. X-quang dạ dày: hình ảnh ứ đọng thuốc barium ở dạ dày
12. Xét nghiệm nào sau đây **KHÔNG** phù hợp ở bệnh nhân hẹp môn vị:
- A. Albumin/máu giảm
B. Ure/máu tăng
C. Cl⁻ giảm
D. K⁺, Na⁺ giảm ✓
☒ E. Dự trữ kiềm giảm ✓
13. Trong bệnh lý sỏi đường mật, vi khuẩn trong dịch mật thường gặp nhất là:
- A. Clostridium perfringens
B. Pseudomonas aeruginosa
C. Klebsiella Pneumonia
D. Proteus mirabilis
☒ E. Escherichia coli ✓
14. Yếu tố dịch tễ và yếu tố thuận lợi gây ung thư tụy là. **CHỌN CÂU SAI:**
- A. Bệnh nhân đái tháo đường
B. Chế độ ăn uống nhiều thịt mỡ
C. Hút thuốc lá
D. Nam nhiều hơn nữ
☒ E. Viêm tụy cấp ✓
15. Bệnh nhân nam 50 tuổi, đau bụng vùng hạ vị đã 6 giờ, đau vừa, tăng hơn khi đi lại, thỉnh thoảng đau quặn hơn, buồn nôn, không tiêu chảy, không sốt. Tiền sử mổ mở đường Mac Burney cắt ruột thừa đã 1 năm. Bụng không chướng, ấn đau vừa một điểm ở hạ vị, không đề kháng, các vùng bụng khác ấn không đau. Siêu âm bụng bình thường. Chẩn đoán nào **KHÔNG** được bỏ sót?
- A. Viêm môn ruột thừa
B. Dính ruột,
C. Rối loạn tiêu hoá
D. Áp-xe tồn lưu
☒ E. Xoắn ruột ✓

16. Bệnh nhân bị sỏi túi mật. Điều nào **KHÔNG** đúng:
- A. Chỉ khoảng 30% có triệu chứng đau
 - ☒ B. Sỏi túi mật cảm, sau 5 năm có 30% có triệu chứng
 - C. Không cần thiết phải cắt túi mật phòng ngừa
 - D. Nếu kèm bệnh đái tháo đường, nên cắt túi mật
 - E. Siêu âm là phương tiện tầm soát tốt
17. Trong vết thương vùng thấp của ngực, có thể gây tổn thương tạng trong ổ bụng, do vòm hoành có thể nâng cao nhất lên đến liên sườn mấy trên đường trung đòn khi hít thở sâu?
- A. 2
 - B. 3
 - ☒ C. 4
 - D. 6
 - E. 5
18. Tiên lượng sống 5 năm sau mổ ung thư dạ dày phụ thuộc chủ yếu vào?
- A. Tuổi và sức khỏe bệnh nhân
 - B. Phương pháp phẫu thuật
 - ☒ C. Vị trí tổn thương
 - ☒ D. Giai đoạn ung thư
 - E. Tính biệt hoá của mô ung thư
19. Biến chứng rất thường gặp của ung thư đại tràng là:
- A. Nhiễm trùng, áp-xe quanh khối u
 - ☒ B. Tắc ruột
 - C. Viêm phúc mạc do u thủng
 - D. Rò ra thành bụng hoặc các tạng lân cận
 - E. Xuất huyết tiêu hoá
20. Bệnh nhân nam 57 tuổi. Một tháng nay ăn không ngon, khó tiêu, sụt cân 2kg. Thể trạng tốt, Hạch thượng đòn trái không to. Bụng mềm. Nội soi: 1 u sùi 3cm ở hang vị. Giải phẫu bệnh: Ung thư biểu mô tuyến. Để đánh giá khối u và di căn tạng, cần làm cận lâm sàng gì?
- A. Chụp dạ dày cản quang
 - B. Chụp cộng hưởng từ bụng chậu
 - ☒ C. Chụp cắt lớp vi tính bụng chậu cản quang
 - D. Siêu âm bụng
 - E. Chụp X-quang ngực
21. Bệnh nhân nữ 50 tuổi, đau bụng 7 ngày, sốt nhẹ, chán ăn, không tiêu chảy. Tiền sử: khỏe mạnh. Mạch 90 lần/phút. Niêm hồng. Bụng chướng nhẹ, sờ thấy 1 mảng cứng chắc ở ¼ dưới phải bụng, giới hạn không rõ, ấn đau vừa, các vùng bụng khác ấn không đau. Bạch cầu 13G/L, bạch cầu đa nhân trung tính 90%. Siêu âm: 1 khối phản âm hỗn hợp ở hố chậu phải, không có dịch bụng. Cần làm gì tiếp theo?
- A. Xét nghiệm CRP/máu
 - B. Mổ nội soi ổ bụng chẩn đoán và điều trị
 - ☒ C. Chụp cắt lớp vi tính bụng chậu cản quang
 - D. Nội soi đại tràng
 - E. Chụp x-quang bụng đứng
22. Yếu tố thuận lợi của ung thư dạ dày là. **CHỌN CÂU SAI:**
- A. Tình trạng vô toan của dạ dày
 - B. Nhiễm Helicobacter pylori
 - C. Viêm dạ dày mạn tính
 - ☒ D. Thiếu máu mạn tính
 - E. Loét dạ dày
23. Bệnh nhân nam 55 tuổi, đã mổ mở ống mật chủ lấy sỏi, đặt dẫn lưu ống mật chủ bằng ống Kehr. Sau mổ 10 ngày, để kiểm tra sỏi sỏi và đánh giá đường mật, chẩn đoán hình ảnh nào thường được chỉ định?
- A. Nội soi đường mật qua ống Kehr

- ☒ B. Chụp đường mật qua ống Kehr ✓
 C. Chụp mật tụy ngược dòng qua nội soi (ERCP)
 D. Chụp cắt lớp điện toán bụng chậu
 E. Siêu âm bụng
24. Ưu điểm của siêu âm trong chấn thương bụng. **CHỌN CÂU SAI:**
☒ A. Giá trị cao khi đánh giá mức độ thương tổn tạng đặc ✓
 B. Dễ dàng phát hiện tụ dịch dù nhỏ ở túi cùng Douglas
 C. Thực hiện ngay tại giường bệnh
 D. Có thể lặp lại nhiều lần
 E. Rẻ tiền và không xâm phạm
25. Bệnh nhân nữ 45 tuổi. Đau thượng vị nhiều năm, siêu âm biết sỏi trong gan 2 năm. Một tuần, đau dưới sườn phải âm ỉ, sốt nhẹ. Chưa mổ lần nào. Thể trạng tốt. Mắt không vàng. Bụng mềm, ấn không đau. Bilirubin 0,82mg/dl. Siêu âm: nhiều sỏi túi mật và sỏi đường mật trong gan, ống mật chủ 10mm. Cần làm thêm hình ảnh gì để chẩn đoán?
 A. Chụp cắt lớp vi tính bụng chậu cản quang
☒ B. Chụp đường mật xuyên gan qua da (PTC)
☒ C. Chụp cộng hưởng từ đường mật ✓
 D. Nội soi mật tụy ngược dòng (ERCP)
 E. Chụp x-quang bụng đứng
26. Triệu chứng nào thường gặp nhất trong co thắt tâm vị:
☒ A. Nuốt nghẹn ✓
 B. Oẹ
 C. Sụt cân
 D. Đau sau xương ức
 E. Bụng lõm
27. Chẩn đoán viêm ruột thừa ở một số bệnh nhân cao tuổi khó khăn vì. **CHỌN CÂU SAI:**
☒ A. Có cơ thành bụng rắn chắc ✓
 B. Thể hiện bằng tắc ruột và sốt
 C. Có các bệnh khác trong ổ bụng
 D. Bạch cầu máu có lúc không tăng
 E. Có kèm các bệnh lý nội khoa khác
28. Bệnh nhân nam 63 tuổi, 2 tháng nay đi tiêu bón và chảy máu nhỏ thành từng giọt, lượng ít, kèm sa búi trĩ phải lấy tay đẩy vào. Không sụt cân. Tiền căn khoẻ mạnh. Niêm hồng, Bụng mềm. Thăm khám hậu môn: có 4 búi trĩ nội mềm, không chảy máu, các búi trĩ sa ra ngoài 1-2cm khi bệnh nhân rặn đi tiêu. Cần làm gì tiếp theo? ✓
☒ A. Xét nghiệm tiền phẫu
☒ B. Nội soi đại tràng ✓
 C. Tìm hồng cầu trong phân
 D. Quay video hậu môn khi đi tiêu
 E. Phẫu thuật Longo
29. Chỉ định mổ cấp cứu trong các thể viêm ruột thừa sau đây. **NGOẠI TRỪ:**
☒ A. Đám quánh ruột thừa ✓
 B. Viêm ruột thừa sung huyết
 C. Viêm ruột thừa mưng mủ
 D. Viêm phúc mạc khu trú
 E. Áp-xe ruột thừa
30. Bệnh nhân nữ 50 tuổi, kiểm tra sức khoẻ: không có triệu chứng bất thường, Siêu âm: trong gan có nhiều khối u 1-3cm, nghi do di căn. Cần làm cận lâm sàng gì để chẩn đoán?
 A. Nội soi dạ dày-tá tràng
 B. Sinh thiết u gan
 C. Nội soi âm đạo-tử cung
 D. Chụp cắt lớp vi tính cổ-ngực cản quang
☒ E. Nội soi đại tràng ✓

31. Bệnh nhân nam 52 tuổi. Nội soi: u sùi ở đại tràng chậu hông, dễ chảy máu và gây hẹp lòng ruột máy soi không qua được và có 3 polyp 5-10mm ở đại tràng chậu hông. Bệnh nhân được mổ nội soi cắt đại tràng trái. Sau mổ ổn định. (chẩn đoán là giai đoạn II theo TNM). Bệnh nhân này đến tái khám sau 8 tháng (về mặt lâm sàng ổn định), cần làm cận lâm sàng gì để tầm soát bệnh?
- CEA/máu
 - Chụp x-quang ngực thẳng
 - ☒ Nội soi đại tràng
 - Chụp cắt lớp vi tính bụng chậu cản quang
 - Siêu âm bụng
32. Cận lâm sàng có giá trị nhất để chẩn đoán ung thư tụy là:
- Chụp mật tụy ngược dòng qua nội soi
 - CA 19-9
 - Chụp khung tá tràng cản quang
 - Siêu âm bụng
 - ☒ Chụp cắt lớp vi tính bụng chậu cản quang
33. Bệnh nhân nam 25 tuổi, bị đau bụng sau té xe máy, vào viện sau 6 giờ. Tỉnh, Mạch 100 lần/phút, Huyết áp 110/60mmHg. Niêm hồng. Bụng có trầy xước da ở vùng rốn, ấn hạ vị và 2 hố chậu đau, không đề kháng. Siêu âm: có dịch bụng lượng vừa. Hồng cầu 3.2T/L, Dung tích hồng cầu 33%. Bạch cầu 12G/L. Cần làm gì tiếp theo?
- Nội soi ổ bụng
 - Mổ bụng thám sát
 - ☒ Chụp cắt lớp vi tính bụng chậu cản quang
 - Chọc dò ổ bụng
 - Nhập khoa ngoại theo dõi
34. Bệnh nhân nam 60 tuổi, tiền sử khỏe mạnh, đến khám vì có xét nghiệm tìm máu ẩn trong phân: dương tính. Khám lâm sàng: bình thường. Cần làm cận lâm sàng gì để chẩn đoán?
- Nội soi dạ dày
 - ☒ Nội soi đại tràng
 - Nội soi viên nang để soi toàn bộ đường tiêu hóa
 - Công thức máu
 - Xét nghiệm tìm kí sinh trùng đường ruột
35. Bệnh nhân nữ 30 tuổi, đến khám vì đau thượng vị âm ỉ một ngày, chán ăn, buồn nôn. Kinh chót cách 3 tuần, vòng kinh 28 ngày, đều. Tiền sử khỏe mạnh. Khi thăm khám lâm sàng, cần chú ý bệnh gì nhất?
- Ung thư dạ dày
 - Thai ngoài tử cung
 - ☒ Viêm loét dạ dày-tá tràng
 - ☒ Viêm ruột thừa
 - Rối loạn tiêu hóa
36. Bệnh nhân nữ 60 tuổi, 1 tháng nay đi tiêu 4-5 lần/ngày, phân có nhầy và ít máu, không sụt cân. Khi thăm khám lâm sàng, quan trọng nhất là thăm khám kỹ:
- Hạch thượng đòn
 - Vùng bụng
 - Hạch bẹn
 - ☒ Hậu môn trực tràng
 - Âm hộ, âm đạo
37. Bệnh nhân nữ 58 tuổi, đau dưới sườn phải 3 ngày, sốt lạnh run, vàng da. Tiền sử: mổ sỏi đường mật 1 năm. Kết mạc mắt vàng, Mạch 110 lần/phút, Huyết áp 100/80mmHg, Lơ mơ. Ấn đau vùng bụng ¼ trên phải kèm đề kháng nhẹ. Chẩn đoán lâm sàng phù hợp:
- Viêm mù đường mật do sỏi
 - Áp-xe đường mật
 - Nhiễm trùng đường mật do sỏi

☒ D. Sốc nhiễm trùng đường mật do sỏi

E. Viêm phúc mạc mật do sỏi đường mật

38. Bệnh nhân nữ 30 tuổi, 5 tháng nay nổi mụn cạnh hậu môn, sưng đau và hay chảy mủ thành từng đợt, đi tiêu bình thường. Thể trạng tốt. Hậu môn: 1 lỗ rò ngoài ở vị trí 5 giờ, kích thước 2mm, cách bờ hậu môn 4cm, ấn đau nhẹ, có ít mủ, cơ thắt cơ tốt. Theo định luật Goodsall, lỗ rò trong ở vị trí nào?

A. 5 giờ

B. 6 giờ

C. 11 giờ

☒ D. 12 giờ

E. Không xác định

39. Xét nghiệm nào **KHÔNG** phù hợp trong tắc ruột cơ học:

☒ A. Hồng cầu, hematocrit giảm

B. Các ion Na^+ , Cl^- , K^+ giảm

C. Bạch cầu và bạch cầu đa nhân trung tính tăng

D. CRP tăng

E. Ure, creatinin/máu tăng

40. Xoắn đại tràng chậu hông. **CHỌN CÂU SAI:**

☒ A. Nặng nề hơn xoắn ruột non

B. Gõ bụng rất vang, nghe thì im lìm

C. X-quang bụng: quai ruột giãn to, hình chữ U ngược

D. Thường gặp bệnh nhân già

E. Bụng trướng căng, không đều

41. Ở pha noãn nang của chu kỳ kinh của một phụ nữ có chu kỳ buồng trứng bình thường, giả sử ta đưa vào cơ thể một cách liên tục một lượng hằng định của estradiol (E_2) ngoại sinh, thì hoạt động chế tiết các gonadotropins của tuyến yên sẽ biến động ra sao? **Chọn một diễn biến đúng**

☒ A. Chế tiết LH không đổi, chế tiết FSH tăng lên

B. Chế tiết LH không đổi, chế tiết FSH giảm đi

C. Chế tiết FSH không đổi, chế tiết LH tăng lên

D. Chế tiết FSH không đổi, chế tiết LH giảm đi

E. Chế tiết của FSH và LH đều không thay đổi

42. Một thiếu nữ 20 tuổi, đến khám vì vô kinh nguyên phát (chưa bao giờ có hành kinh). Cô được định lượng nội tiết với kết quả: AMH = 0 ng/mL, FSH = 100 mIU/mL (rất cao), LH = 75 mIU/mL (rất cao). Trên mẫu máu đó, người ta định lượng thêm Inhibin B, Estradiol (E_2) và Progesterone (P_4). Hãy dự đoán kết quả. **Chọn một tổ hợp có khả năng xảy ra cao nhất**

A. Inhibin B tăng rất cao, E_2 tăng rất cao, P_4 tăng rất cao

B. Inhibin B bình thường, E_2 bình thường, P_4 bình thường

C. Inhibin B bình thường, E_2 bình thường, $\text{P}_4 = 0$

D. Inhibin B bình thường, $\text{E}_2 = 0$, $\text{P}_4 = 0$

☒ E. Inhibin B = 0, $\text{E}_2 = 0$, $\text{P}_4 = 0$

43. Một phụ nữ mang chuyển đoạn Robertson. PARA 0020, với một lần thai chết lưu sớm ở 20 tuần và một lần phải chấm dứt thai kỳ ở tuổi thai 17 tuần vì thai bị lệch bội liên quan đến các nhiễm sắc thể mang chuyển đoạn trên. Hiện tại bà ta đang mang thai 13 tuần vô kinh. Chiến lược tầm soát lệch bội cho thai kỳ này phải dựa vào khảo sát nào? **Chọn một khảo sát thích hợp**

A. Siêu âm khảo sát độ dày khoảng thấu âm sau gáy

B. Siêu âm khảo sát phổ Doppler của ống tĩnh mạch

C. Siêu âm khảo sát các dấu chỉ mềm (soft-markers)

D. Test tầm soát lệch bội Double test hay Triple test

☒ E. Cell-free DNA (test tiền sản không xâm lấn NIPT)

44. Khám thai cho một thai phụ phát hiện bà ta bị thiếu máu hồng cầu nhỏ, nhược sắc, kèm theo nồng độ ferritin huyết thanh ở mức rất thấp. Huyết đồ của chồng cũng có thiếu máu hồng cầu nhỏ nhược sắc với mức ferritin huyết thanh rất thấp. Bạn sẽ làm gì thêm?
Chọn một hành động thích hợp
- ☒ A. Không cần làm thêm test nào khác
☐ B. Tìm đột biến gene thalassemia ở vợ
☐ C. Tìm đột biến gene thalassemia ở vợ và chồng
☐ D. Tìm đột biến gene thalassemia ở thai nhi
☒ E. Tìm dấu hiệu thiếu máu ở thai nhi qua siêu âm
45. Thai kỳ ở ba tháng đầu, có vị trí xác định là trong tử cung, hiện đang bị nghi ngờ là đã ngưng phát triển trong tử cung. Phải làm gì để xác định chẩn đoán này? **Chọn một thái độ giúp xác định thai ngưng phát triển**
- ☐ A. Đánh giá ra máu âm đạo và tìm dấu hiệu xuất huyết màng ối
☐ B. Phối hợp loạt nhiều kết quả β -hCG được thực hiện tiếp nối nhau
☒ C. Phối hợp loạt nhiều kết quả siêu âm được thực hiện tiếp nối nhau
☐ D. Phối hợp kết quả β -hCG và kết quả siêu âm làm ở cùng thời điểm
☐ E. Phối hợp loạt nhiều kết quả β -hCG với loạt nhiều kết quả siêu âm
46. Công cụ nào được xem là công cụ đầu tay cho tiếp cận một trường hợp đã xác định là có thai, đang ở 3 tháng đầu, bị xuất huyết từ cung bất thường? **Chọn một tiếp cận đầu tay có giá trị nhất**
- ☐ A. Định lượng β -hCG trong máu
☐ B. Định lượng free β -hCG trong máu
☐ C. Siêu âm thực hiện qua đường bụng
☒ D. Siêu âm thực hiện qua đường âm đạo
☐ E. Dùng khái niệm ngưỡng phân định β -hCG
47. Bạn đang khám thai cho một thai phụ ở 36 tuần vô kinh. Thông tin từ sổ khám thai đủ để khẳng định rằng thai kỳ đang diễn tiến bình thường. Mọi dữ kiện lâm sàng thu được ở lần khám hôm nay phù hợp với diễn tiến bình thường của thai kỳ. Bạn cần làm gì thêm? **Chọn một hành động cần thiết**
- ☒ A. Hướng dẫn đếm cử động thai
☐ B. Non-stress test
☐ C. Siêu âm khảo sát sinh trắc
☐ D. Đánh giá thể tích nước ối
☐ E. Siêu âm khảo sát dòng chảy
48. Một thai phụ đang ở tuổi thai 36 tuần vô kinh. Bà ta cho biết rằng từ sáng nay bà cảm thấy thai cử động ít hơn so với thường lệ. Hành động đầu tiên của bạn là gì? **Chọn một hành động ưu tiên nhất**
- ☐ A. Hướng dẫn bà ta cách để đếm cử động thai
☐ B. Thực hiện siêu âm khảo sát thể tích nước ối
☐ C. Thực hiện siêu âm khảo sát động học dòng chảy
☒ D. Thực hiện Non-stress Test hay băng ghi EFM
☐ E. Thực hiện Contraction Stress Test
49. Hiện tượng đề kháng insuline được quan sát thấy trong thai kỳ ở đối tượng nào trong các đối tượng sau? **Chọn một câu đúng**
- ☐ A. Những thai phụ có đái tháo đường type I từ trước khi có thai
☐ B. Những thai phụ có đái tháo đường type II từ trước khi có thai
☐ C. Những thai phụ từng có bất dung nạp đường ở thai kỳ trước
☐ D. Những thai phụ hiện có test dung nạp 75 g glucose bất thường
☒ E. Mọi thai phụ (không phân biệt tiền sử gia đình, nội khoa, sản khoa)

50. Hãy xác định vai trò của điều trị tiết chế nội khoa (MNT) cho các thai phụ mắc đái tháo đường thai kỳ (GDM). **Chọn một phát biểu đúng**
- A. Là điều trị dự phòng cho mọi thai phụ có nguy cơ cao mắc GDM
 - ☒ B. Là điều trị đầu tay cho thai phụ mắc GDM, trước mọi điều trị thuốc
 - C. Là điều trị ngang hàng, song song với điều trị GDM bằng thuốc
 - D. Là điều trị hỗ trợ để làm tăng hiệu quả của điều trị GDM bằng thuốc
 - E. Là điều trị thứ yếu, khi có chống chỉ định của thuốc hạ đường huyết
51. Vào 3 tháng cuối thai kỳ, trong các biểu hiện bất thường dòng chảy thấy được trên phổ Doppler được liệt kê sau, dấu hiệu nào là dấu hiệu đặc trưng cho tình trạng tiền sản giật? **Chọn một câu đúng**
- A. Tăng chỉ số trở kháng dòng chảy của động mạch rốn
 - B. Mất dòng chảy trong tâm trương ở phổ động mạch rốn
 - C. Dòng chảy ngược trong tâm trương ở phổ động mạch rốn
 - ☒ D. Tồn tại khuyết tiền tâm trương ở phổ động mạch tử cung
 - E. Giảm chỉ số trở kháng dòng chảy của động mạch não giữa
52. Mục tiêu của việc dùng thuốc chống tăng huyết áp trong điều trị tiền sản giật có dấu hiệu nặng là gì? **Chọn một câu đúng**
- A. Là điều trị đúng cơ chế bệnh sinh là co mạch
 - B. Là điều trị triệu chứng tình trạng tăng huyết áp
 - C. Là điều trị dự phòng không để xảy ra biến chứng
 - D. Là điều trị trì hoãn để chờ đủ điều kiện điều trị triệt để
 - ☒ E. Là điều trị nhắm vào tất cả các mục tiêu trên
53. Test nào là test được chọn ưu tiên để dự báo dương (PPV) khả năng xảy ra sanh non trong vòng một tuần? **Chọn một test có PPV sanh non cao nhất**
- A. Hiện diện của cơn co trên băng ghi CTG
 - ☒ B. Kênh cổ tử cung ngắn hay dạng U, Y
 - C. Test bán định lượng fetal Fibronectin
 - D. Microbiota âm đạo có *L. inners* ưu thế
 - E. Các test trên có PPV sanh non như nhau
54. Ở thai kỳ có chậm tăng trưởng trong tử cung khởi phát muộn, dấu hiệu nào có thời điểm bắt đầu xuất hiện muộn nhất? **Chọn một câu đúng**
- A. Giảm thể tích ối dưới cut-off
 - B. Thông số sinh trắc bào thai thấp
 - ☒ C. Bất thường động học dòng chảy
 - D. Bất thường trên băng ghi EFM
 - E. Trắc đồ sinh vật lý bất thường
55. Đường báo động của sản đồ model 1993 của Tổ chức Y tế Thế giới được xây dựng dựa trên cơ sở là sự mở cổ tử cung trong chuyển dạ ở dân số khảo sát. Đó là dân số nào? **Chọn một câu đúng**
- ☒ A. Ở dân số là mọi cuộc chuyển dạ sanh, bất kể cách kết thúc
 - B. Ở dân số là các cuộc chuyển dạ kết thúc bằng sanh thường
 - C. Ở dân số là các cuộc chuyển dạ kết thúc bằng sanh thủ thuật
 - D. Ở dân số là các cuộc chuyển dạ kết thúc bằng sanh ngả âm đạo
 - E. Ở dân số là các cuộc chuyển dạ kết thúc bằng cuộc mổ sanh
56. Nhận định gì về đặc điểm chung nhất của các băng ghi EFM được xếp vào loại II của phân loại ACOG? **Chọn một câu đúng**
- A. Chúng cùng có giá trị dự báo âm suy thai cao
 - B. Chúng cùng có giá trị dự báo dương suy thai cao
 - C. Chúng cùng có độ nhạy tầm soát suy thai cao
 - D. Chúng cùng có độ chuyên chẩn đoán suy thai cao
 - ☒ E. Là nhóm gồm các EFM không có điểm nào chung
57. Việc thực hiện giảm đau sản khoa bằng gây tê ngoài màng cứng có thể gây nguy hiểm cho thai phụ trong tình huống nào? **Chọn một tình huống**

- ☐ A. Thai phụ có bệnh lý tim mạch, được chỉ định sanh ngã âm đạo
☒ B. Thai phụ có hội chứng HELLP, tình trạng cho phép sanh ngã âm đạo
☐ C. Chuyển dạ có dấu hiệu cho thấy nguy cơ cao kết thúc bằng sanh mổ
☐ D. Thai phụ có vết mổ sanh cũ, đang được thử thách ngã âm đạo
☐ E. Các đối tượng kể trên đều bị đe dọa nếu được làm giảm đau sản khoa.
58. Trong khi thực hiện thông khí áp lực dương để hồi sức sơ sinh ngạt, buộc phải tôn trọng nguyên tắc nào? *Chọn một câu đúng*
☐ A. Thổi miệng qua miệng không được xem là thông khí áp lực dương
☐ B. Thông khí áp lực dương buộc phải được thực hiện qua nội khí quản
☐ C. Thông khí áp lực dương buộc phải được thực hiện với oxygen 100%
☒ D. Bóng dùng cho thông khí áp lực dương bắt buộc phải có van điều áp
☐ E. Quyết định thực hiện thông khí áp lực dương phải dựa vào Apgar
59. Trong quá trình dùng các phương tiện khảo sát hình ảnh để thực hiện chẩn đoán nhau tiền đạo, phải lưu ý đến điều gì? *Chọn một câu đúng*
☐ A. Siêu âm ngã bụng là biện pháp khảo sát được chọn cho chẩn đoán
☐ B. Chống chỉ định siêu âm ngã âm đạo do có thể gây chảy máu ở ạt
☐ C. Giá trị của siêu âm Doppler tương đương với siêu âm thang xám
☒ D. Cộng hưởng từ cung cấp thông tin giá trị về tình trạng cài răng lược
☐ E. Khi thỏa tiêu chuẩn, có thể kết luận nhau tiền đạo, bất chấp tuổi thai
60. Khi theo dõi giai đoạn xóa mờ cổ tử cung của một cuộc chuyển dạ ngã âm đạo ở một thai phụ với vết mổ sanh cũ (VBAC), cần tuyệt đối tuân thủ nguyên tắc nào? *Chọn một câu đúng*
☐ A. Theo dõi đau vết mổ cũ là nội dung theo dõi quan trọng, hữu ích nhất.
☒ B. Bắt buộc phải theo dõi chuyển dạ bằng monitoring ghi EFM liên tục
☐ C. Chống chỉ định tuyệt đối dùng oxytocin khi VBAC, bất kể mục đích
☐ D. Chống chỉ định tuyệt đối thực hiện giảm đau sản khoa trong VBAC
☐ E. Chống chỉ định tuyệt đối thực hiện VBAC cho vết mổ sanh còn mới
61. Khi một trẻ bị vàng da sinh lý, có nguy cơ mắc bệnh não bilirubin thấp, hành động nào trong các hành động sau có thể giúp tình trạng cải thiện nhanh vàng da? *Chọn một hành động đúng*
☐ A. Tăng cường phơi nắng sáng
☒ B. Tăng tần suất của các bữa bú
☐ C. Tạm ngưng nuôi con bằng sữa mẹ
☐ D. Thực hiện quang liệu pháp sớm
☐ E. Thực hiện cùng lúc các biện pháp trên
62. Tránh thai bằng cho con bú vô kinh (LAM) có thể gây ra vấn đề khó chịu nào cho người phụ nữ? *Chọn một câu đúng*
☐ A. Loạn khuẩn âm đạo
☐ B. Rong huyết lượng ít
☐ C. Thiêu dưỡng âm đạo
☒ D. Hiệu quả tránh thai không ổn định
☐ E. LAM có thể gây cả 4 khó chịu trên
63. Thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ có thể bảo vệ được trẻ khỏi các nhiễm trùng nào? *Chọn một câu đúng*
☐ A. Các tác nhân gây nhiễm trùng đường hô hấp mà mẹ đã từng tiếp xúc
☐ B. Các tác nhân gây nhiễm trùng đường tiêu hóa mà mẹ đã từng tiếp xúc
☐ C. Một số tác nhân gây bệnh nhất định mà người mẹ đã được tiêm phòng
☐ D. Các vi sinh vật có sử dụng chất sắt như yếu tố để tồn tại phát triển
☒ E. Trẻ được nuôi bằng sữa mẹ được bảo vệ với tất cả các nhóm vi sinh trên.
64. Bao cao su có hiệu quả bảo vệ cao người dùng khỏi tác nhân gây bệnh lây qua tình dục nào? *Chọn một câu đúng*
☐ A. *Haemophilus ducreyi*
☐ B. Human Papilloma Virus

- ☒ C. Human Immunodeficiency Virus ✓
D. *Treponema pallidum*
E. Cả 4 tác nhân trên
65. Trong các tác nhân gây bệnh lây qua tình dục được liệt kê sau, tác nhân nào có tỉ lệ kháng thuốc hay có khả năng phát sinh kháng thuốc cao nhất? **Chọn một loại tác nhân có tỉ lệ kháng thuốc cao nhất**
- A. *Chlamydia trachomatis*
☒ B. *Haemophilus ducreyi*
☒ C. *Neisseria gonorrhoeae*
D. *Treponema pallidum*
E. *Trichomonas vaginalis*
66. Trong các biện pháp được đề nghị sau đây, việc triển khai biện pháp nào sẽ giúp cải thiện giá trị của việc tầm soát ung thư cổ tử cung bằng phết tế bào cổ tử cung cổ điển? **Chọn một câu đúng**
- A. Tăng nhịp độ làm phết tế bào cổ tử cung cổ điển (hàng năm)
B. Sử dụng que Ayre hay chổi (cytobrush) thay vì dùng tampon
C. Thực hiện phết tế bào cổ tử cung nền nước (nhúng dịch)
☒ D. Thực hiện cùng lúc phết tế bào và HPV-DNA (co-testing) ✓
☒ E. 4 giải pháp trên cùng có thể cải thiện khả năng tầm soát
67. Vì sao soi cổ tử cung lại có thể giúp cho việc định hướng các khảo sát mô bệnh học tại cổ tử cung? **Chọn một giải thích đúng**
- A. Vì nó giúp nhận diện được các vùng mô có đậm độ glycogen thấp
B. Vì nó giúp nhận diện được các vùng mô có đậm độ protein cao
C. Vì nó giúp nhận diện được các vùng mô có biểu hiện tân tạo mạch
☒ D. Vì nó giúp nhận diện được các vùng biểu mô có độ dày bất thường ✓
☒ E. 4 yếu tố trên cùng giúp cho định hướng các khảo sát mô bệnh học ✓
68. So sánh việc tiêm phòng HPV cho trẻ trai và trẻ gái, bạn nhận thấy có điều gì khác nhau? **Chọn một điểm khác nhau**
- A. Khác nhau về số mũi tiêm cần tiêm
☒ B. Khác nhau về loại vaccine cần tiêm ✓
C. Khác nhau về độ tuổi tiêm phòng
D. Khác nhau về đáp ứng với vaccine
E. Khác nhau về tất cả các điểm trên
69. Khi nào ta gọi một kết quả phết tế bào cổ tử cung tầm soát ung thư là có kết quả dương tính? **Chọn một câu đúng**
- ☒ A. Khi kết quả là ASC-US hoặc cao hơn ✓
B. Khi kết quả là LSIL hoặc cao hơn
C. Khi kết quả là HSIL hoặc cao hơn
D. Khi kết quả là AIS hoặc cao hơn
E. Chỉ khi có kết quả là ung thư xâm lấn
70. Trong quá trình thiết lập chẩn đoán xuất huyết tử cung cơ năng tuổi dậy thì, cần lưu ý điều gì? **Chọn một phát biểu đúng**
- A. Phải được nghĩ đến trước tiên, trước mọi nguyên nhân thực thể khác
☒ B. Tình trạng này kéo dài không quá 2 năm kể từ lần có kinh đầu tiên ✓
C. Nồng độ estradiol rất thấp là yếu tố quan trọng để xác lập chẩn đoán
D. Nồng độ LH luôn rất thấp là yếu tố quan trọng để xác lập chẩn đoán
E. Hiếm khi có kèm theo hình ảnh các nang noãn nang tại buồng trứng
71. Khi điều trị tăng sinh nội mạc tử cung ở tuổi quanh mãn kinh, việc lựa chọn progestin được căn cứ trên tiêu chí nào? **Chọn một progestin phù hợp**
- A. Nên chọn các progesterone thiên nhiên hay dydrogesterone
☒ B. Nên chọn các progestin có hoạt tính progestogen mạnh ✓
☒ C. Nên chọn các progestin có hoạt tính đối kháng estrogen mạnh ✓
D. Nên chọn các progestin có hoạt tính đối kháng hạ đồi mạnh

- E. Nên chọn dẫn xuất nhóm điều hoà thụ thể progesterone (SPRM)
72. Trong các trường hợp bệnh lý của tử cung liệt kê sau, trường hợp nào cần thu thập thêm thông tin bổ sung từ cộng hưởng từ? **Chọn một tình huống mà khảo sát thêm bằng cộng hưởng từ là hữu ích và cần thiết**
- A. U xơ-cơ tử cung loại FIGO 0 trên siêu âm bơm nước
 - B. U xơ-cơ tử cung loại FIGO 6 trên siêu âm thang xám
 - C. U xơ-cơ tử cung nhiều nhân loại FIGO 3-4 trên siêu âm thang xám
 - ☒ D. U xơ-cơ tử cung đã có từ trước, nay phát triển nhanh sau mãn kinh ✓
 - E. Bệnh tuyến cơ tử cung đã được xác định bằng siêu âm Doppler
73. Trong các trường hợp u xơ-cơ tử cung lành tính sau, trường hợp nào là chỉ định ưu tiên của điều trị bằng selective progesterone modulator (SPRM)? **Chọn một tình huống mà điều trị bằng SPRM là lựa chọn tối ưu**
- ☒ A. U xơ-cơ tử cung có triệu chứng ở người có độ tuổi trước mãn kinh
 - B. U xơ-cơ tử cung loại FIGO 0 gây xuất huyết tử cung bất thường
 - C. U xơ-cơ tử cung loại FIGO 5 ở đoạn eo to gây chèn ép niệu quản ✓
 - D. U xơ-cơ tử cung to loại FIGO 5-6 ở đáy tử cung không triệu chứng
 - E. Cả 4 trường hợp trên cùng có thể dùng SPRM như điều trị tối ưu
74. Hãy cho biết đặc điểm để nhận diện một cấu trúc ở phần phụ là một cấu trúc thực thể không tân lập của phần phụ? **Chọn một đặc điểm nhận diện**
- A. Các triệu chứng cơ năng của chúng thường là nghèo nàn, ít có tính gợi ý
 - B. Chúng thường có thời gian tồn tại ngắn, thường biến mất sau vài chu kỳ
 - ☒ C. Triệu chứng học của chúng thường liên quan đến tình trạng viêm mạn ✓
 - D. Chúng có hình ảnh siêu âm điển hình là các nang đơn thùy, đơn giản
 - E. 4 tính chất trên cùng là đặc trưng của cấu trúc thực thể không tân lập
75. Khi khảo sát các khối ở phần phụ, cần lưu ý đến đặc điểm nào? **Chọn một câu đúng**
- A. Rong huyết là triệu chứng cơ năng cho phép loại trừ các u tân lập
 - ☒ B. Cần phối hợp khảo sát bằng siêu âm grey-scale với siêu âm Doppler ✓
 - C. Chỉ báo khối u được dùng để cải thiện giá trị dự báo của siêu âm
 - D. Cộng hưởng từ là khảo sát giúp phân biệt một tân lập là lành hay ác
 - E. Nếu cần, khảo sát gene *BRCA* có thể giúp phân biệt lành hay ác tính
76. Tầm soát ung thư vú cho phụ nữ ≥ 45 tuổi, có nguy cơ trung bình, phải được thực hiện ra sao? **Chọn một quan điểm đúng**
- A. Khảo sát gene *BRCA* là bắt buộc, để phân tầng đối tượng tầm soát
 - B. Luôn bắt đầu bằng siêu âm, do là khảo sát đơn giản, có hiệu quả
 - ☒ C. Nhũ ảnh là công cụ cơ bản, chủ yếu của chương trình tầm soát ✓
 - D. Nếu đủ điều kiện, nên dùng MRI, do hiệu quả tầm soát cao nhất
 - E. Cả 4 lưu ý trên đều cần thiết để hoạch định chương trình tầm soát
77. Khi thấy có một tổn thương vôi hóa vi thể (microcalcification) trên nhũ ảnh hay MRI, nhưng không sờ thấy trên lâm sàng, hành động tiếp theo của bạn là gì? **Chọn một hành động thích hợp**
- A. Tiên hành điều trị ngay, vì đây là dấu hiệu chỉ có trong ung thư vú
 - B. Ưu tiên cho thực hiện sinh thiết dưới hướng dẫn của siêu âm
 - C. Ưu tiên cho thực hiện sinh thiết bằng kim nhỏ (FNA)
 - ☒ D. Ưu tiên cho thực hiện sinh thiết lõi (core biopsy) ✓
 - E. Ưu tiên cho phẫu thuật sinh thiết trọn khối u
78. Trình tự tiên hành tư vấn cho một phụ nữ lựa chọn một phương pháp tránh thai phải bắt đầu bằng nội dung nào? **Chọn một nội dung khởi đầu đúng**
- A. Tính hiệu quả của phương pháp tránh thai
 - ☒ B. Tính an toàn của phương pháp tránh thai ✓
 - C. Tính kinh tế cho cả bản thân và cộng đồng
 - D. Tìm hiểu biện pháp mà họ đang hướng đến
 - E. Tính phù hợp với hoàn cảnh xã hội của họ

79. Một phụ nữ đã sanh được 5 ngày, đang nuôi con bằng sữa mẹ, muốn tránh thai trong thời kỳ hậu sản. Đối với bà ta, ở thời điểm hiện tại, việc dùng phương pháp tránh thai nào được xếp vào loại 2 theo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)? **Chọn một phương pháp xếp loại 2 theo WHO**

A. Thuốc tránh thai phối hợp estrogen-progestogen liều thấp ✓

B. Que cấy dưới da phóng thích chậm etonogestrel

C. Dụng cụ tử cung chứa Cu^{++} hay phóng thích LNG

☒ D. Thuốc viên tránh thai chỉ chứa desogestrel liều thấp

E. Vòng đặt âm đạo phóng thích estrogen-progestogen ✓

80. Hãy xác định vai trò của các dược chất dùng trong tiến trình phá thai nội khoa cho thai kỳ đang tiến triển? **Chọn một câu đúng**

A. Mifepristone có tác dụng gây độc cho thai và làm chết thai ✓

B. Mifepristone có tác dụng tương tự methotrexate nhưng không độc ✓

C. Misoprostol gây sảy thai có hiệu quả mà không cần kèm mifepristone

☒ D. Nhiệm vụ của misoprostol là kết thúc tiến trình phá thai bằng cơn co

E. Cả mifepristone và misoprostol đều có khả năng gây dị tật thai ✓

81. Nguyên nhân chính gây nên sốc chấn thương là:

A. Gãy nhiều xương.

B. Gãy xương lớn.

☒ C. Đau quá mức và/ hoặc mất máu nhiều.

D. Vận chuyển bệnh nhân vội vã.

E. Kết xương cấp cứu.

82. Biến chứng gãy xương đòn thường gặp nhất là:

☒ A. Tổn thương đám rối thần kinh cánh tay ✓

B. Tổn thương động mạch dưới đòn.

C. Tổn thương thần kinh nách.

D. Tổn thương đỉnh phổi.

E. Viêm xương.

83. Những triệu chứng lâm sàng thường gặp trong gãy cổ xương đùi là:

A. Đi khập khiễng, đau trước khớp háng.

☒ B. Đau trước khớp háng, ngắn chi, bàn chân xoay ngoài. ✓

C. Không đứng đi được, ngắn chi và bàn chân xoay ngoài.

D. Sưng bầm vùng bẹn, có máu tụ.

E. Đau vùng khớp háng, ngắn chi và bàn chân xoay trong.

84. Ngay sau khi bị gãy một xương lớn, bệnh nhân có thể có các biến chứng sau:

A. Sốc, Tắc mạch máu do mỡ, Chèn ép khoang, Viêm xương.

☒ B. Sốc, Chèn ép khoang, Chèn ép thần kinh, Rối loạn dinh dưỡng. ✓

C. Chèn ép khoang, Liệt thần kinh ngoại biên, Đứt mạch máu chính, Gãy hở.

D. Tắc mạch máu do mỡ, Đứt mạch máu, Đứt thần kinh, Cal lệch, khớp giả.

E. Thuyên tắc phổi, viêm tắc tĩnh mạch, mất cơ năng,

85. Điều trị bong gân mức độ 1 biện pháp nào nên làm:

☒ A. Chườm nước đá vào vùng bong gân ngay sau khi bị tổn thương. ✓

B. Tiêm thuốc tê vào vùng bong gân sau đó bó bột.

C. Chườm nóng làm giảm đau nhanh.

D. Mổ khâu lại dây chằng nếu bệnh nhân là một vận động viên.

E. Xoa bóp trị liệu.

86. Theo Oakes, bong gân dễ tự nhiên sẽ diễn biến theo các trình tự sau:

☒ A. Giai đoạn viêm tấy cấp tính - giai đoạn phục hồi - giai đoạn tái tạo. ✓

B. Giai đoạn viêm tấy cấp tính - giai đoạn viêm tấy mạn tính - giai đoạn xơ hóa.

C. Giai đoạn viêm tấy cấp tính - giai đoạn tái tạo - giai đoạn phục hồi.

D. Hình thành máu tụ - thoái hóa - teo cơ.

E. Giai đoạn tăng sinh tế bào, giai đoạn tu chỉnh.

87. Chọn câu SAI: X-quang gãy xương trẻ em, cần chú ý:

CTCH

- ☐ A. Chụp cả 2 bên, bên chi tổn thương và bên chi lành.
 - ☒ B. Chỉ cần chụp phim mặt.
 - C. Trẻ em có nhiều xương phụ dễ nhầm là gãy xương.
 - D. Xem kỹ ở đầu xương để phát hiện và điều trị sớm các gãy bong sụn tiếp hợp.
 - E. Có khi có gãy xương nhưng không thấy đường gãy.
88. Gãy bong sụn tiếp hợp là loại gãy xương:
- A. Chỉ gặp ở trẻ em.
 - B. Gãy ở đầu xương có một phần là đường gãy chéo.
 - C. Cần phải nắn lại thật chính xác.
 - D. Cần phải nắn lại sớm.
 - ☒ E. Tất cả đều đúng.
89. Viêm xương tủy cấp đường máu thường xảy ra ở tuổi:
- ☐ A. Dưới 6 tuổi.
 - ☒ B. 7-16 tuổi.
 - C. 17-30 tuổi.
 - D. 31-60 tuổi.
 - E. Trên 60 tuổi.
90. Vết thương phần mềm có thể dẫn đến:
- A. Chảy máu, tạo ra máu tụ.
 - B. Nhiễm trùng nhiễm độc.
 - C. Giảm oxy mô tế bào.
 - D. Hoại tử mô tạo ra khuyết mất mô.
 - ☒ E. Tất cả đều đúng.
91. Các triệu chứng nào dưới đây là đặc hiệu giúp chẩn đoán trật khớp:
- A. Sưng, đau vùng khớp, mất cơ năng.
 - B. Sưng, đau, biến dạng vùng khớp.
 - C. Mất cơ năng không hoàn toàn và biến dạng.
 - ☒ D. Biến dạng, đầu lỏ xo, đầu ổ khớp rỗng.
 - E. Không sờ thấy hòm khớp.
92. Tổn thương thần kinh nào thường gặp trong trật khớp vai:
- A. Thần kinh giữa.
 - B. Thần kinh quay.
 - C. Thần kinh trụ.
 - D. Thần kinh cơ bì.
 - ☒ E. Thần kinh nách.
93. Các thành phần nào sau đây tham gia chính vận động sấp ngửa cẳng tay:
- ☒ A. Cơ nhị đầu, cơ sấp tròn, cơ ngửa, cơ sấp vuông.
 - B. Cơ ngửa, cơ cánh tay quay, cơ sấp tròn, cơ sấp vuông.
 - C. Cơ nhị đầu, cơ cánh tay quay, cơ sấp cổ tay quay, cơ sấp cổ tay trụ.
 - D. Cơ tam đầu, cơ nhị đầu, cơ duỗi cổ tay, cơ ngửa.
 - E. Cơ ngửa, màng liên cốt, cơ sấp tròn, cơ sấp vuông.
94. Gãy Monteggia là loại gãy xương:
- A. Gãy đầu trên xương trụ và trật khớp quay trụ trên.
 - B. Gãy đầu dưới xương quay và trật khớp cổ tay.
 - ☒ C. Gãy 1/3 trên xương trụ và trật chỏm xương quay.
 - D. Gãy 1/3 dưới xương trụ và trật chỏm xương trụ.
 - E. Gãy 1/3 trên xương trụ và gãy cổ xương quay.
95. Đứt gân gấp nông mà không đứt gân gấp sâu ngón tay thì:
- A. Không gấp được đốt 1.
 - B. Gấp được đốt 1 nhưng không gấp được đốt 2 và 3.
 - C. Không gấp được khớp bàn đốt nhưng duỗi được khớp liên đốt.
 - ☒ D. Không gấp được khớp liên đốt gần khi cố định duỗi các ngón kế cận.
 - E. Không gấp được khớp liên đốt xa.

96. Mục đích chính của tập vận động chủ động trong tổn thương mạn tính dây chằng là:

- A. Giúp dây chằng mau liền.
- B. Chống dính khớp.
- ☒ C. Tăng cường hệ thống giữ vững động ✓
- D. Giúp giảm nhanh chóng phù nề.
- E. Lấy lại tầm hoạt động khớp.

Ngoại TK

Sử dụng câu 97-98: Bệnh nhân nam, 32 tuổi đến khám bác sĩ vì biểu hiện tê $\frac{1}{2}$ người phải. Bệnh nhân có cơn co giật đầu tiên cách nay 1 tuần và sau khi tỉnh lại bệnh nhân thấy tê $\frac{1}{2}$ người bên phải

✓ 97. Chẩn đoán lâm sàng phù hợp nhất:

- A. Xuất huyết não
- ☒ B. U não
- C. Máu tụ dưới màng cứng mãn tính 1w mà mạn gì
- D. Túi phình mạch máu não >50 tuổi, trẻ thì có dị dạng thời
- E. Abscess não

98. Các cận lâm sàng cần làm để chẩn đoán trên bệnh nhân này (tối ưu nhất)

- A. Điện não đồ
- B. Điện não đồ+huyết thanh chẩn đoán ký sinh trùng
- C. MRI não
- D. CT-Scan não+điện não đồ
- ☒ E. Điện não đồ+MRI não

Sử dụng câu 99-100: Bệnh nhân nam, 20 tuổi, được đưa đến bệnh viện sau một tai nạn giao thông. Khám lâm sàng ghi nhận bệnh nhân hôn mê, GCS=8 điểm, yếu $\frac{1}{2}$ người phải, dẫn nhẹ đồng từ bên trái, sưng to vùng thái dương trái ✓

99. Chẩn đoán lâm sàng được nghĩ đến nhiều nhất trên bệnh nhân này:

- A. Chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính thái dương phải
- B. Chấn thương sọ não, tụ máu dưới màng cứng cấp tính bán cầu phải
- ☒ C. Chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính thái dương trái ✓
- D. Chấn thương sọ não, tụ máu dưới màng cứng cấp tính bán cầu trái
- E. Chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính tiểu não phải

100. Chỉ định cận lâm sàng hợp lý nhất trên bệnh nhân này:

- A. CT-Scanner sọ não có bơm thuốc cản quang.
- B. MRI sọ não
- C. XQ sọ
- ☒ D. CT-Scanner sọ não không bơm thuốc cản quang ✓
- E. Chụp mạch máu não (Angiography)

101. Theo phân loại của Frankel, loại B là:

- A. Mất hoàn toàn vận động và cảm giác
- ☒ B. Mất vận động, cảm giác còn ✓
- C. Vận động giảm, cảm giác còn
- D. Vận động giảm 2/5-3/5, cảm giác còn.
- E. Tất cả đều sai.

Loại	ĐẶC ĐIỂM
A	Mất chức năng cảm giác, vận động
B	Cảm giác còn vận động mất
C	Cảm giác còn vận động giảm 2/5-3/5
D	Cảm giác còn vận động giảm 4/5
E	Chức năng vận động cảm giác bình thường

102. Hội chứng tủy trung tâm, điều nào sau đây không đúng:

- ☒ A. Là tổn thương tủy hoàn toàn
- B. Yếu chi trên nhiều hơn chi dưới.
- C. Rối loạn cơ vòng.
- D. Rối loạn cảm giác theo kiểu treo
- E. Là tổn thương tủy không hoàn toàn. ✓

103. Chọn 1 câu đúng:

- A. Viêm màng phổi (VMMP) là hiện tượng tụ mủ trong khoang màng phổi, đại đa số là do chấn thương.
- B. VMMP nguyên phát nghĩa là vi trùng tự xuất hiện và sinh sôi trong khoang màng phổi dẫn đến mủ màng phổi.

Ngoại LN

- C. VMMP thứ phát có nguồn gốc nhiễm trùng trực tiếp từ bệnh lý nội khoa, viêm phổi hoặc áp xe gan, áp xe trung thất ...
- ☒ D. Tình trạng phổi không nở do bất cứ nguyên nhân gì, hoặc dẫn lưu kéo dài có thể dẫn đến VMMP.
- E. Màng phổi là màng vô khuẩn tuyệt đối và khoang màng phổi thường không có dịch.
104. Điều trị suy giáp sau phẫu thuật là:
- A. Corticoide.
- ☒ B. T.S.H
- ☒ C. Thyroxine.
- ☒ D. Vitamine
- E. Chế độ ăn uống.
105. Tràn khí màng phổi van được định nghĩa là:
- A. Không khí từ bên ngoài qua vết thương thành ngực vào khoang màng phổi mà không ra được
- B. Tràn khí màng phổi lượng nhiều gây lún trung thất
- ☒ C. Không khí qua vết thương phổi-màng phổi vào khung màng phổi mà không ra được.
- ☒ D. A và C
- E. A, B, C đều đúng
106. VMMP nguyên phát diễn tiến qua 3 giai đoạn:
- A. Giai đoạn 1 còn gọi là giai đoạn xuất tiết, dịch màng phổi hơi đục.
- B. Giai đoạn 2 còn gọi là giai đoạn xuất tiết, tràn dịch màng phổi phản ứng với dịch trong, chưa có vi trùng, bạch cầu thấp, LDH<1000ml, Glucose>40-60mg%.
- C. Giai đoạn 3 là giai đoạn mãn tính, mũ sợi hóa, bắt đầu sau 48 giờ và kéo dài đến 7 ngày, dịch hơi đục, nếu dẫn lưu kịp thời phổi có thể nở được.
- D. Giai đoạn 2 là giai đoạn chuyển tiếp, còn gọi là giai đoạn tổ chức hóa, màng phổi viêm dày nên phổi không thể nở được, phải bóc vỏ màng phổi
- ☒ E. Nghiệm pháp ống nghiệm giúp chẩn đoán VMMP mãn tính, nếu dịch kết tủa trong 24g chiếm hơn 75% ống
107. Viêm màng ngoài tim
- A. Viêm màng bao quanh tim.
- B. Lâm sàng biểu hiện bằng hai thể: cấp tính và mạn tính.
- C. Bệnh gây ra do virus, vi khuẩn
- ☒ D. Tất cả đều đúng
- E. Câu A,B đúng
108. Dấu hiệu xác định dò động tĩnh mạch.
- A. Có vết thương chảy máu.
- ☒ B. Sờ thấy rung miu và nghe âm thổi liên tục.
- C. Sờ thấy khối u có âm thổi tâm thu.
- D. Chỉ bị dò động tĩnh mạch to hơn bình thường.
- E. Khối u đập theo mạch.
109. Phụ nữ 28 tuổi, PARA 2002, đến khám vì muốn tầm soát ung thư. Cha của cô đã mất vì ung thư phổi vào năm trước. Những người khác trong gia đình không bị ung thư. Cô chưa từng bị bệnh lý nội khoa nặng nào trước đây. Anh/ chị tư vấn cho cô làm xét nghiệm nào?
- A. X quang phổi thẳng
- B. Nhũ ảnh
- ☒ C. Xét nghiệm Pap
- D. Câu A và B đúng
- E. Câu A,B,C đúng
110. Một phụ nữ 30 tuổi đến khám vì đau vú bên trái và triệu chứng đau nặng lên trước hành kinh và sau sạch kinh 1 tuần không hết đau vú. Bệnh nhân hiện không dùng thuốc, không bệnh gì khác về nội ngoại khoa. Khám lâm sàng thấy một mảng dày nhạy đau 3 cm ở vị trí ¼ trên ngoài vú trái, sang thương này có giảm kích thước sau khi hành kinh. Cảm nghĩ phù hợp nhất trong trường hợp này?

- ☒ A. Thay đổi sợi bọc tuyến vú
- B. Bướu sợi tuyến
- C. Bướu nhú trong ống
- D. Bướu diệp thể vú
- E. Ung thư vú

X 111. Hạch nào KHÔNG được xem là hạch vùng trong ung thư cổ tử cung

- ☒ A. Hạch cạnh động mạch chủ bụng
- B. Hạch chậu chung
- C. Hạch trước xương cùng
- D. Hạch bịt
- E. Hạch chậu ngoài

112. Trong các loại mô học sau đây, loại nào nhạy xạ trị nhất

- A. Sarcôm xương
- B. Carcinôm tế bào sáng của thận
- C. Carcinôm tuyến của dạ dày
- ☒ D. Carcinôm không biệt hóa của vòm hầu
- E. Tất cả đều sai

113. Phương tiện quan trọng nhất để xác định tính chất lành ác của hạt giáp

- A. Siêu âm tuyến giáp
- B. Xạ hình tuyến giáp
- C. Xét nghiệm máu
- D. Chọc hút sinh thiết hạt giáp bằng kim lõi
- ☒ E. Chọc hút sinh thiết hạt giáp bằng kim nhỏ

114. Di căn xương thường gặp nhất trong loại ung thư nào sau đây:

- A. Ung thư gan và ung thư tụy
- B. Ung thư tụy và ung thư dạ dày
- C. Ung thư dạ dày và ung thư phổi
- ☒ D. Ung thư phổi và ung thư vú
- E. Ung thư vú và ung thư gan

115. Bí tiểu được phân loại thành:

- ☒ A. Bí tiểu cấp và mạn.
- B. Bí tiểu nhẹ, trung bình, nặng.
- C. Bí tiểu hoàn toàn và không hoàn toàn.
- D. Tất cả các phân loại trên.**
- E. Bí tiểu không được phân loại.

116. Đặc điểm của cầu bàng quang, CHỌN CÂU SAI:

- A. Khối căng tức vùng hạ vị.
- B. Cong lõm hướng lên trên.
- C. Đục khi gõ.
- D. Có thể lên cao đến rốn.
- E. Khó phát hiện trên lâm sàng.**

117. Nguyên nhân suy thận cấp sau thận, chọn câu SAI :

- A. Sỏi thận trên thận độc nhất
- B. Sỏi niệu quản 2 bên.
- C. Ung thư tuyến tiền liệt chèn ép 2 niệu quản.
- D. Ung thư cổ tử cung xâm lấn 2 niệu quản.
- ☒ E. Sỏi 2 thận

118. Chọn câu SAI

- A. Ở phụ nữ, chẩn đoán nhiễm khuẩn niệu khi cấy nước tiểu giữa dòng có $\geq 10^5$ CFU/mL.
- B. Ở nam giới, chẩn đoán nhiễm khuẩn niệu khi cấy nước tiểu giữa dòng có $\geq 10^3$ CFU/mL.

- C. Ở nam giới, chẩn đoán nhiễm khuẩn khi cấy nước tiểu qua condom catheter có $\geq 10^3$ CFU/mL.
- D. Chẩn đoán khuẩn niệu khi mẫu cấy nước tiểu lấy từ thủ thuật đặt thông niệu đạo bằng quang vô trùng có $\geq 10^2$ CFU/mL.
- E. Ở phụ nữ có thai, chẩn đoán nhiễm khuẩn niệu khi cấy nước tiểu giữa dòng có $\geq 10^3$ CFU/mL.
119. Đường mổ dưới sườn 12 đi qua các lớp từ nông đến sâu:
- A. Cơ lưng rộng → Cơ chéo bụng ngoài → Cơ chéo bụng trong → Cơ ngang bụng.
- B. Cơ chéo bụng ngoài → Cơ chéo bụng trong → Cơ ngang bụng.
- C. Cơ chéo bụng ngoài → Cơ lưng rộng → Cơ chéo bụng trong → Cơ ngang bụng.
- D. Cơ chéo bụng ngoài → Cơ chéo bụng trong → Cơ lưng rộng → Cơ ngang bụng.
- E. Cơ chéo bụng ngoài → Cơ chéo bụng trong → Cơ ngang bụng → Cơ lưng rộng.
120. Chọn câu sai:
- A. Bàng quang có hình tứ diện tam giác với 4 mặt : mặt trên, mặt sau và 2 mặt dưới bên.
- B. Mặt trên : được che phủ bởi phúc mạc, lồi khi đầy và lõm khi rỗng làm cho lòng bàng quang có hình chữ Y hay T trên thiết đồ đứng dọc.
- C. Mặt trên và 2 mặt dưới bên gặp nhau ở phía trước gọi là đáy bàng quang.
- D. Trong lòng bàng quang có 4 miệng ống (liên quan với 4 góc): 2 miệng niệu quản, miệng ống niệu rốn và niệu đạo trong.
- E. Phía trước bàng quang là xương mu, phía sau là các tạng sinh dục và trực tràng, phía dưới là hoành chậu.

- HẾT -

1. B	41. B	81. C
2. C	42. E	82. A
3. D	43. E	83. B
4. D	44. A	84. B
5. A	45. C	85. A
6. D	46. D	86. A
7. E	47. A	87. B
8. B	48. D	88. E
9. A	49. E	89. B
10. B	50. B	90. E
11. C	51. D	91. D
12. E	52. E	92. E
13. E	53. B	93. A
14. E	54. C	94. C
15. E	55. A	95. D
16. B	56. E	96. C
17. C	57. B	97. B
18. D	58. D	98. E
19. B	59. D	99. C
20. C	60. B	100. D
21. C	61. B	101. B
22. D	62. E	102. A
23. B	63. E	103. D
24. A	64. C	104. D
25. C	65. C	105. D
26. A	66. E	106. E
27. A	67. E	107. D
28. B	68. B	108. B
29. A	69. A	109. C
30. E	70. B	110. A
31. C	71. C	111. A
32. E	72. D	112. D
33. C	73. A	113. E
34. B	74. C	114. D
35. D	75. B	115. A
36. D	76. C	116. E
37. D	77. D	117. E
38. E	78. B	118. E
39. A	79. D	119. A
40. A	80. D	120. C